TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 2005 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Lâm Chí T2, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị Ánh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024, bà và ông Lâm Chí T2 kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà T1 và ông T2 phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, bà và ông T2 có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Bà T1 xác định là bà

không còn tình cảm dành cho ông T2. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà T1 không thể đoàn tụ gia đình với ông T2, nay bà cương quyết ly hôn với ông T2 và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Lâm Chí T2.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm Chí T2 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông T2 vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lâm Chí T2 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T2 không cung cấp chứng cứ gì, ông T2 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024, bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Lâm Chí T2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Nguyễn Thị Ánh T1 xác định không còn tình cảm dành cho ông T2 và bà T1 cương quyết ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Lâm Chí T2 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Lâm Chí T2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông T2 không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà T1, ông T2 không có ý kiến gì. Xét cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 ly hôn với ông Lâm Chí T2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 ly hôn với ông Lâm Chí T2.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003484 ngày 10/5/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã R,
huện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng